

VÔ MÔN QUAN

無門関

CHỮ VÔ CỦA PHƯƠNG ĐÔNG

Nguyên tác Vô Môn Quan: Vô Môn Huệ Khai

Dẫn nhập và chú giải: Nishimura Eshin

Bình luận: Giáo sư Akizuki Ryômin

Biên dịch: Nguyễn Nam Trân



Phóng Ngưu Đồ

Tranh thả trâu của Sesshû (Tuyết Chu, 1420-1506)

PHẦN THỨ IV: TỪ TẮC 31 ĐẾN TẮC 40

Tắc số 31: Triệu Châu dò ý lão bà (Triệu Châu khám bà)¹.

趙州勘婆

Bản tác:

Có hôm, Hòa Thượng Triệu Châu² nghe một tăng sĩ kể rằng khi ông hỏi bà lão nọ:

-Lên Đài Sơn³ phải đi bằng cách nào?

thì được đáp:

-Cứ thẳng đặng trước mà đi!

Vừa mới bước lên năm ba bước, bà ta lại nói:

-Ông sư này coi được đấy chứ (hảo cá sư tăng). Nhưng rồi cũng đi theo lối đó!

Nhân thế, Triệu Châu bảo:

-Thôi, lần này cho ta thử một chuyến. Để dò xem bà ấy là người thế nào?

Hôm sau, ông lên đường ngay, đến nơi và cũng hỏi đường. Bà ta vẫn trả lời in như trước.

Triệu Châu lúc đó mới trở về, triệu tập tăng chúng môn hạ lại, kể với họ:

-Ta vì các người đã khám phá ra được bà già trên Ngũ Đài Sơn (là người như thế nào rồi)!

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Bà lão này hình như biết cách thức bày binh bố trận trong màn trường nhưng không dè ải hiểm của mình lại bị giặc đánh phá⁴. Còn về phần Hòa Thượng Triệu Châu thì đã đột nhập vào bản doanh bà lão và có máy động biết tấn công cửa ải quan trọng của địch nhưng vẫn không xứng danh một đấng trượng phu. Nếu nghiên ngẫm kỹ càng thì thấy cả hai đều đáng bị lọt sỏ. Tuy nhiên, Triệu Châu tự cho mình đã khám phá được bà lão, thế thì thử hỏi ông ta đã khám phá được ở chỗ nào. Nói nghe xem!

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Vấn ký nhất ban,

Đáp diệp tương tự.

Phạn lý hữu sa,

Nê trung hữu thứ (thích)⁵.

問 既 一 般

答 亦 相 似

飯 裡 有 砂

¹ Thoại này có chép trong Triệu Châu Lục cũng như các sách khác như Tổ Đường Tập quyển 18, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 10 chương nói về Triệu Châu.

² Xem chú của tác 1.

³ Ý nói Ngũ Đài Sơn. Đỉnh núi thiêng trong tỉnh Sơn Tây, nổi tiếng vì là nơi thờ Văn Thù Bồ Tát, tượng trưng cho trí tuệ. Kinh Hoa Nghiêm có viết: “Phía đông bắc là nơi Văn Thù Bồ Tát ngự, tên chỗ đó là núi Thanh Lương”. Người ta tin rằng đây là đạo trường của Văn Thù.

⁴ Chữ dùng trong Sử Ký: “Trù liệu kế sách trong màn trường mà thắng được việc binh ngoài ngàn dặm”.

⁵ Có thể hiểu lời lão bà không đơn thuần nhưng có nội dung thức tỉnh? (LND)

泥 中 有 刺

(Bởi hỏi cùng một câu,
Lời đáp mới giống nhau.
Không dè cơm có sạn,
Trong bùn gai chích đau).

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Hình như câu chuyện đã xảy ra trong một quán nước chè trên đường lên Ngũ Đài Sơn. Người du tăng lạc hướng có thể chỉ đặt câu hỏi tìm đường và bà già cũng chỉ trả lời một cách thông thường thôi. Nhưng tại sao ông sư kia vừa mới bước đi dăm ba bước, bà đã nói một câu ra vẻ tiếc cho ông?

Bị bà ta than như vậy, ông sư có lúc phải giật mình. Cho đến lúc ấy, ông ta cứ thẳng đường ta đi, không bị vướng mắc, thế mà bây giờ lại không thể đi thêm nữa. Điều đáng quý nằm chỗ này. Ở Trung Quốc cũng như Nhật Bản, có lúc chợt thấy xuất hiện một bà lão hay làm khốn khó người tu hành như vậy. Bà lão này cũng giống bà hàng nước đã làm khốn khó Hòa Thượng Đức Sơn lúc ông ta còn là một nhà tu trẻ tuổi trên đường ngang qua Lễ Châu (xem tác 28 Cửu hương Long Đàm).

Khi được nghe kể, Triệu Châu đã xung phong đi thăm dò để hiểu ý nghĩa hành động và về con người của bà lão. Bản thân ông đã thể nghiệm câu hỏi và câu trả lời tương tự như các vị tăng sĩ khác. Khi trở lại chùa, ông đã triệu tập mọi người để cho họ biết ông đã khám phá ra bí mật của bà lão.

Ông khám phá được điều gì, đó là điểm quan trọng của công án.

Theo chỗ hiểu của tôi, công án muốn bàn về “gánh nặng của truyền thống⁶”. Và nó cũng đề cập về “lòng từ bi” nữa. Bà lão kéo được Triệu Châu vào trong quân doanh nhưng lại để cho ông ta khám phá được tâm cảnh của mình. Triệu Châu tự tìm cách đi đến gặp bà ta để dòm ngó bà, thì hành động của ông không xứng đáng để được gọi là bậc chính nhân. Do đó, Vô Môn mới chê cả hai, tuy rằng lời của ông chỉ là đùa bỡn họ (niêm lộng). Ông thật ra muốn ngã mũ chào cái “nhất điểm vô duyên đại bi tâm” (tấm lòng vô có thương người) chiếu ra từ nhân cách của Triệu Châu lẫn bà lão. Cho nên ông mới đặt câu hỏi cho các bạn để xem có biết Triệu Châu đã khám phá được bà lão chỗ nào không. Cố Shibayama Zenkei (Sài Sơn Toàn Khánh) lão sư có dạy: “Hỏi thử Triệu Châu lão sư đã khám phá được lão bà hay chỉ mới khám phá ra một chút xiu ánh sáng không thấy được (bất truyền ta tử quang) của bà ấy thôi? Khi đọc những công án như thế này, phải tìm hiểu cái gọi là “gốc lớn” (đại bản) từ trong lời nói và hành động (ngôn hành) của các thiền gia (bà lão và Triệu Châu). “Ta tử” (chút xiu xiu) đó còn là ánh sáng của cái tâm đại từ bi nơi ông thầy dạy thiền khi soạn ra công án. Ma kha bát nhã ba la mật đa!

⁶ Con đường lên Ngũ Đài Sơn là một lối mòn. Bà già (một thiền gia) thương tiếc cho những ông tăng tốt mà không có tính tự lập, chỉ biết theo lối mòn mà người xưa đã đi mãi. Có thể hiểu câu nói của lão bà có nội dung thức tỉnh các nhà tu (LND).

Tắc số 32: Kẻ ngoại đạo hỏi Phật (Ngoại đạo vấn Phật)⁷.

外道問仏

Bản tắc:

Đức Thế Tôn⁸ nhân có một kẻ ngoại đạo⁹ hỏi:

-Không phải lời nói, cũng chẳng phải lặng thinh, đó là cái gì?

mới ngời tràm ngậm một lúc lâu. Kẻ ngoại đạo đó bèn nức nở khen ngợi:

-Nhờ lòng từ bi của Đức Thế Tôn mà mắt tôi như vén được lớp mây mù. Ngài đã hướng dẫn tôi đến chỗ giác ngộ.

Bái lạy xong lui ra.

Thấy thế, A Nan mới đặt câu hỏi:

-Kẻ ngoại đạo kia đã ngộ ở chỗ nào mà lại ca ngợi xong rồi ra đi như thế!

Thế Tôn mới nói:

-Phàm tuấn mã chỉ cần nhìn thấy bóng roi đã biết cách phải chạy thế nào rồi.

Bình Xướng:

Vô Môn mới nói:

A Nan là đệ tử chính thức của Phật Đà. Thế mà thấy (trình độ) ông ta coi bộ kém thua kẻ ngoại đạo. Nay, các bạn hãy nói tôi nghe, kẻ ngoại đạo và đệ tử ruột, họ khác nhau ở chỗ nào vậy?

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Kiểm nhận thượng hành,

Băng lã thượng tẩu¹⁰.

Bất thiệp giai thê¹¹,

Huyền nhai tất thủ.¹²

劍 刃 上 行

冰 稜 上 走

不 涉 階 梯

懸 崖 撒 手

(Đi trên kiếm nhọn,

Chạy giữa băng sắc.

⁷ Thoại có chép trong Tổ Đường Lục quyển 1, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 27. Được biết là lấy ra từ kinh Thủ Lăng Nghiêm quyển 4. Trong Tổ Đường Lục, Phật Đà Truyện và Bích Nham Lục tắc 65 thì thay vì “Thế Tôn cứ tòa” lại viết là “Thế Tôn lương cửu”.

⁸ Một trong 10 danh hiệu của Phật. Nguyên văn tiếng Phạn là *Bhagavat* hay Kẻ có phúc đức. Ý nói “bậc tôn quý nhất trên đời”.

⁹ Ngoại đạo có nơi gọi là người theo Bà la môn. Kỳ thực ở Ấn Độ có rất nhiều hạng tín đồ như vậy (lục sư ngoại đạo, cửu thập ngũ chủng ngoại đạo vv...).

¹⁰ Hai câu 1 và 2 ý nói sống một cách nguy hiểm.

¹¹ Câu 3 ý nói nhờ đốn ngộ mà đạt được Phật vị chứ không phải tu hành rồi từ từ leo lên từng bậc mới tới như thập địa chur bò tát.

¹² Câu 4: từ trên ghềnh đá buông tay rơi xuống vực để chết một cái chết lớn (đại tử nhất ban). Có nghĩa là giác ngộ tức khắc.

Thang bậc không nương,
Buông thân xuống vực.

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Đức Thế Tôn được nói đến trong thoại này tức là Thích Tôn hay Phật Thích Ca như lối xưng hô của tín đồ Phật Giáo. Dĩ nhiên “Tôn” là chữ chỉ bậc tôn kính. Người phương Tây gọi ngài là Gotama Buddha hay Phật Cồ Đàm vì họ là người ngoại đạo.

Mặt khác, câu chuyện dẫn dụng ở đây về “tuần mã” vốn có chép trong kinh Tạp A Hàm. Chuyện ấy ví các tỉ khuru với bốn loại ngựa. Cao nhất là hạng tuần mã (hay lương mã), chỉ cần thấy bóng roi đã hiểu ý của người cưỡi mà chạy. Hạng ngựa thứ hai phải để roi chạm lông rồi mới hiểu. Hạng thứ ba đợi roi đụng vào thịt mới vỡ lẽ ra. Còn hạng thứ tư, thấp nhất, phải chờ lúc roi quật thấu xương tủy rồi mới bắt đầu hiểu mà chạy.

Vào buổi đạo Phật mới ra đời, trong kinh sách thường có những ví dụ kiểu này. Ta có thể diễn dịch câu nói của Phật Thích Ca như sau: “ Kẻ ngoại đạo kia, giống như lời thế gian vẫn nói, là một con ngựa hay, mới thấy bóng roi đã hiểu ý người cưỡi. Khi ta ngồi yên không nói, ông ta đã thấy cái máy động của ngã vô-ngã nơi ta, và từ đó ông đã có thể tự giác được cái ngã vô-ngã của chính mình”.

Khi không che giấu cái tâm và độc lòng cầu đạo, được duyên dẫn dắt, thì kẻ ngoại đạo cũng có thể đắc đạo. Nên nhớ cho tuy trong tiếng Nhật, chữ “ngoại đạo” vốn hàm ý coi thường, nhưng chỉ xin hiểu nó ở đây theo nghĩa người không có cùng một tôn giáo (dị giáo đồ) hay triết lý đối với Phật giáo mà thôi.

Câu hỏi *Không phải lời nói, cũng chẳng phải lặng thinh, đó là cái gì?* (Bất vấn hữu ngôn, bất vấn vô ngôn) theo nguyên văn, nếu dịch từng chữ, có nghĩa là: *Không hỏi bằng lời, không hỏi bằng không lời.* Trước câu hỏi đó, thái độ im lặng trầm tư của Đức Phật trước tiên như muốn gửi một thông điệp : “Kìa, ông vừa không dùng lời nói để hỏi tôi là gì à?” rồi sau một khoảng thời gian, đến câu: “Thái độ của tôi không phải là không lời hay sao?”, nghĩa là ngài đã có một câu trả lời với hai vế.

Trong Kinh Thánh cũng có chép lại câu chuyện một người đàn bà dâm dăng bị đám đông bắt. Bọn người Pharisee¹³ muốn dùng bà ta để gài bẫy chúa Jesus mới kéo bà ấy đến trước mặt Chúa và nói: “ Theo luật lệ của tổ tiên ta từ đời Moises¹⁴, kẻ phạm tội tà dâm như thế này phải bị ném đá. Thầy hay rao giảng về lòng nhân ái, nhưng gặp trường hợp này thì tính sao đây?” Nếu Jesus vì lòng nhân ái mà thả người ấy ra, bọn người này sẽ kết tội Chúa đã vi phạm luật lệ của tổ tiên dân Do Thái. Lúc đó, Jesus chỉ lặng thinh, cúi nhìn xuống đất và viết một câu gì. Đám đông bị chấn động trước thái độ của Jesus, mỗi người bắt đầu phản tỉnh, tự đặt câu hỏi xem mình có đủ tư cách trong sạch, chưa hề làm lỗi, để có quyền ném đá người đàn bà ấy không. Một lúc sau, những người già bắt đầu quay lưng bỏ đi, rồi cuối cùng đám đông cũng từ từ tự động giải tán. Lúc chỉ còn một mình Jesus đứng trước người đàn bà bị kết tội, Chúa mới nói: “Riêng ta, ta không có gì để xét đoán người. Hãy đi đi và đừng tái phạm nữa.” .

Trong câu chuyện nói trên, Jesus lặng thinh, cúi xuống viết gì trên mặt đất. Thích Ca làm như thế nào trong công án? Thích Ca chỉ ngồi đó lặng thinh, và kẻ ngoại đạo ca ngợi thái độ của ngài. Ông ta gọi Phật là Đức Thế Tôn. Chứng cứ ấy cho thấy ông đã nhìn nhận sự tôn quý của

¹³ Tên gọi một nhóm người Do Thái theo chủ nghĩa nguyên lý, cho là mình công chính hơn mọi người và ép tất cả phải giữ giới luật thành văn truyền thống. Sau chữ này dùng ám chỉ nhưng kẻ nguỵ thiện, giả dối.

¹⁴ Nhà lãnh đạo dân Do Thái, sinh vào thế kỷ 14 TCN. Đã đặt ra Mười Điều Giáo Lệnh mà ông bảo đã được Đức Chúa Trời ký thác.

Phật và trở thành một tín đồ Phật giáo.

Việc Phật cứ ngồi không nói năng chi được gọi là “cứ tòa”, tức ngồi vững chân thẳng lưng một chỗ. Bích Nham Lục dùng chữ “luong cửu” để miêu tả. Nó cũng hàm ý “ngồi yên một lúc không nói năng chi”.

Hữu ngôn hay vô ngôn, cả hai đều tượng trưng cho một thế giới hãy còn phân biệt. Nguyên nhân khiến ta phân biệt mọi sự chính là cái tự ngã, trong khi, như tăng Nhật Bản Rennyo (Liên Như) nói: “Phật Pháp biểu hiện bằng vô ngã”. Thích Ca đã dạy phải làm cho cái tự ngã đó trống rỗng (ở trạng thái không) để sống với cái ngã vô-ngã. Trong khi “cứ tòa” hay “luong cửu”(dịch từng chữ : hơi lâu một chút), không có cái máy động của sự phân biệt do tự ngã. Qua “cứ tòa” và “luong cửu”, Thích Ca đã dạy cách làm cho mình buông thả và bước ra khỏi thể xác lẫn tâm hồn (tâm thân thoát lạc), biết tự giác để thể nhận (xác nhận bằng chính mình) cái tâm thân đã được thoát lạc hay cái ngã vô-ngã.

“Chúng sinh tất cả đều có Phật tính”, cho dù là kẻ ngoại đạo hay đệ tử thân cận như A Nan. Khi nhờ một mối duyên nào mà đạt đạo thì giữa kẻ ngoại đạo và đệ tử Phật, hoàn toàn không có gì khác nhau. Ai cũng có thể thành Phật (giác giả). “Đại tử nhất ban, tuyệt hậu tô tức”. Phải chết một cái chết lớn để thành con người mới!

Tác số 33: Chẳng tâm chẳng Phật (Phi tâm phi Phật)¹⁵.

非心非佛

Bản tác:

Một hôm, Hòa Thượng Mã Tổ¹⁶ nhân tăng hỏi:

-Phật là gì?

mới đáp rằng:

-Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Nếu hiểu thấu suốt được điểm này thì công việc tu thiền xem như đã hoàn tất.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Lộ phùng kiếm khách tu trình....

Bất ngộ thi nhân mạc hiến....¹⁷

Phùng nhân thả thuyết tam phân,

Vị khả toàn thi nhất phiến¹⁸.

路 逢 劍 客 須 呈
不 遇 詩 人 莫 獻
逢 人 且 說 三 分
未 可 全 施 一 片

(Gặp trang kiếm khách nên dâng (kiếm),

Chẳng phải thi nhân chớ tặng (thi).

Với người cứ nói sơ là đủ,

Đừng đem gan ruột tỏ làm chi.)

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Tác “Phi Tâm Phi Phật” này liên quan mật thiết với tác 30 “Tức Tâm Tức Phật”.

Chữ “phi” có nghĩa “không phải là”, theo sau nó nhất định phải là một danh từ (thể ngôn). Như thế, Phi Tâm Phi Phật nghĩa là “Không phải là tâm, không phải là Phật”, nói khác đi, là sự phủ định hai danh từ Tâm và Phật. Phi khác với “bất” vì sau “bất” phải là động từ hay hình dung từ (tính từ), ghép với nhau để trở thành một trạng từ (phó từ) hàm ý phủ định. Phi là chữ đối nghịch với Thi, trong khi Thi có nghĩa khẳng định “là” thì Phi có nghĩa phủ định “không phải là”. Phi có thể viết là “bất thị”, nhưng nếu “phi” hay được dùng trong văn viết, “bất thị” thường

¹⁵ Thoại có chép trong Mã Tổ Ngữ Lục quyển 1, như là công án liên hệ đến tác 30 Tức Tâm Tức Phật.

¹⁶ Xem chú của tác 30.

¹⁷ Hai câu đầu lược thơ cổ. Bỏ mất chữ “kiếm” và “thi” ở cuối câu. Ý muốn nói không cần trọn câu 7 chữ (thất ngôn) người ta cũng hiểu.

¹⁸ Hai câu này diễn ý lời của Trần Không Chương nói với Ngụy Văn Đế, chép trong sách Lăng Già Hợp Triệt quyển 2, rằng khi có việc binh, cho dù với người đồng minh, chỉ nên thổ lộ một phần tư kế hoạch của mình.

thấy trong văn nói.

Thế thì, về mặt ngữ nghĩa, rõ ràng cụm từ “Phi Tâm Phi Phật” là cách diễn tả đối nghịch của “Tức Tâm Tức Phật”. Một bên thì bảo “Tâm, ấy tức là Phật”, bên kia lại nói: “Không phải là Tâm, không phải là Phật”. Chả lẽ lúc đầu Mã Tổ nói một câu, sau lại nói một câu khác trong tư thế phủ định câu trước hay sao?

Nhân đây, thấy cần nhắc lại một cuộc vấn đáp khác của Thiền sư Mã Tổ với đồ đệ, chép trong Truyền Đăng Lục, chương Mã Tổ:

Tăng: Vì có gì thầy lại dạy “Tức Tâm Tức Phật”?

Sư: Vì ta muốn dỗ trẻ con nín khóc!

Tăng: Khi nó đã nín rồi thì làm sao?

Sư: Dạy “Phi Tâm Phi Phật”.

Tăng: Nếu có một nhân vật nào không nằm trong hai trường hợp ấy, thầy dạy điều chi?

Sư: Lúc đó, ta sẽ nói với ông ta: “Bất thị Vật!”

“Bất thị Vật” có nghĩa: “Không phải là chúng sinh!”. Về ý nghĩa của câu này, xin tham khảo tác 27 Bất Thị Tâm Phật đã nói ở trên. Còn nơi đây, ta chỉ giới hạn sự suy ngẫm của mình trong sự so sánh diễn biến thấy trong hai câu đầu tiên, như tôi cũng đã thử làm chuyện đó trong lời bàn về tác 30 Tức Tâm Tức Phật.

Tắc số 34: Trí không phải là đạo (Trí bất thị đạo)¹⁹.

智不是道

Bản tác:

Hòa Thượng Nam Tuyên²⁰ nói rằng:
- Tâm không phải là Phật, trí không phải là đạo.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Cái ông Nam Tuyên này, vì già nua lắm cảm thành ra hết còn biết hổ thẹn hay sao chứ? Tưởng mở cái mồm thối hoảng ra tán được một câu gì, té ra chỉ làm cho người ta thấy cái sỉ nhục trong nhà mình²¹. Nói là nói vậy chứ cái bọn biết mình chịu ơn Nam Tuyên không được mấy ai đâu!

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Thiên tinh nhật đầu²² xuất,
Vũ hạ địa thượng thấp.
Tận tình đô thuyết liễu,
Chỉ khùng tín bất cập²³.

天晴日頭出
雨下地上濕
盡情都說了
只恐信不及

(Trời quang mặt nhật lộ,
Mưa xuống đất đượm nhuần.
Giải bày, lòng đã cạn,
Chỉ sợ người phân vân).

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Thông thường, phải nói Tâm, ấy là Phật, trí, ấy là đạo. Trí hiểu ở đây là trí tuệ, bát nhã. Thế nhưng Thiền sư Nam Tuyên Phổ Nguyên đã phủ định cả hai. Và đó là trọng điểm của công án.

Mã Tổ dạy “Tức tâm tức Phật” và cùng lúc, “Bình thường tâm thị đạo”. Nam Tuyên muốn răn dạy học trò chớ hiểu lầm về lời dạy này nên mới phát ngôn như thế. Cả hai câu nói của Mã Tổ vốn được truyền tụng sâu rộng như hai thiền ngữ có giá trị cao. Đạt được tâm cảnh thấy trong

¹⁹ Thoại này có chép trong Nam Tuyên Ngữ Lục và Tổ Đường Lục quyển 16 chương nói về Nam Tuyên.

²⁰ Xem chú của tắc 14.

²¹ Chỉ muốn nói là nhà tu thiền đã bày tỏ bản lãnh của mình chứ không hẳn có ý miệt thị.

²² Nhật: mặt trời. “Đầu” là tiếng trợ từ.

²³ Tín bất cập, phản nghĩa của “Tín đắc cập”.

nội dung câu nói là một điều hết sức hay, tuy nhiên, phần đông mọi người đều chỉ bắt chước lặp đi lặp lại lời nói của bậc đại sư mà không chịu thực hành gì cả vì hiểu lầm rằng: “cứ để y nguyên như thế này là tốt”. Do đó, câu nói của Nam Tuyền cảnh giác họ về thái độ đó. Thiền sư Nyoe (Như Hội) ở chùa Tôji (Đông Tự, Kyôto) có lần nói: “Tâm không phải là Phật. Trí không phải là đạo. Kiếm mất đã lâu rồi. Còn khắc dấu thuyền sao?”. Người đi thuyền để rơi mất kiếm dưới nước, nghĩ rằng nếu đánh dấu ngay trên mạn thuyền thì sau có thể tìm lại kiếm dễ dàng. Nào ngờ thuyền cứ tiếp tục trôi đi chứ nào đứng một chỗ...”. Và ông dặn chớ có bao giờ nhầm lẫn như người đi thuyền.

Tóm lại, phải chăng công án có thể được giải thích theo cách sau đây:

Lão sư Suzuki Daisetsu (Linh Mộc Đại Chuyết, 1870-1966) có đưa ra cách hiểu “tức phi” bằng mệnh đề “A tức phi A thị danh A” (A là phi A, do đó có tên là A. “Tâm” cũng như “trí” không là một khẳng định đơn thuần, nó là một khẳng định qua trung gian của phủ định. Do đó “tâm” không phải là “Phật tâm” đối với “chúng sinh tâm”, “trí” không phải là “phân biệt trí” so với “vô phân biệt trí”. Tâm tâm bất dị (Phật tâm và chúng sinh tâm vốn không khác nhau). Phân biệt và vô phân biệt cùng có trong một hơi thở (nhất tức). Nhưng không chỉ có tư tưởng như thế mà đủ, còn phải đem công án ra thể nghiệm lấy mới được.

Tác số 35: Người đẹp lia hồn (Thanh (Thiên) nữ ly hồn)²⁴.

倩女離魂

Bản tác:

Ngũ Tô²⁵ nhân tăng hỏi:

-Có truyện nói cô Thanh (Thiên)²⁶ kia thoát hồn ra khỏi xác, vậy thế cô Thanh (Thiên) thực sự là cô nào?

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Nếu nắm bắt được điểm quan trọng của câu chuyện này (biết được cô Thanh thật là cô Thanh nào), có lẽ đã hiểu hồn thoát ra khỏi xác rồi lại nhập vào (vòng sinh tử) có khác nào việc (một người) đến trọ trong lữ quán (rời đi). Thế nhưng, khi chưa biết được điều đó thì hãy cẩn thận chớ có chạy lung tung (đi tìm những lối giải quyết ngoài tự kỷ bản thân) trên con đường đời. Khi cái chết bất chợt đến và thân thể tan rã (địa thủy hỏa phong²⁷ nhất tán), thì sẽ không khác gì con cua lọt vào trong nồi nước sôi, khua que khua càng loạn lên. Lúc đó đừng khóc vì hối hận đã không nghe lời (phải tự kỷ cứu mình mà ta) dặn bảo.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Vân nguyệt thị đồng,
Khê sơn các dị.²⁸
Vạn phúc vạn phúc,
Thị nhất thị nhị.

雲 月 是 同
溪 山 各 異
萬 福 萬 福
是 一 是 二

(Mây trăng thì giống nhau,
Chiều núi khe lại khác.

²⁴ Thoại này không thấy chép trong Truyền Đăng Lục, Ngũ Đăng Hội Nguyên, phần truyện về Ngũ Tô Pháp Diễn. Tuy nhiên, trong Chính Đăng Lục quyển 6, chương về Ngũ Tô thì có đề cập đến chuyện tình kỳ lạ giữa cô Thanh nhà họ Trương và thư sinh Vương Trụ. Thái Bình Quảng Ký quyển 358 cũng có chép, dẫn điển từ Ly Hồn Ký của Trần Huyền Hựu.

²⁵ Túc Ngũ Tô Pháp Diễn (?- 1104), thiền sư thời Bắc Tống. Thuộc phái Lâm Tế dòng Dương Kỳ, nhận pháp tự của Bạch Vân Thủ Đoan (1025-1072). Tiểu sử có trong Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 19, Tục Truyền Đăng Lục quyển 20. Sách để lại có Ngũ Tô Pháp Diễn Thiên Sư Ngũ Lục 4 quyển.

²⁶ Chữ Thanh (bộ nhân đứng bên cạnh chữ thanh là xanh), vốn có nhiều âm: “thanh”, “thiên”. “sai”. Ý nói “người đáng tươi đẹp, sinh động”, còn động từ có nghĩa “nhờ ai thay thế”, nghĩa giống như chữ thỉnh trong thỉnh (nhờ) đại (thay thế).

²⁷ Theo triết học cổ Ấn Độ, đây là 4 nguyên tố chính (tứ đại) của thế giới. Nói “tứ đại phân tán” có thể hiểu là trạng thái khi người ta chết đi.

²⁸ Ryômin giải thích rằng “Cùng chung một vầng trăng giữa khoảng mây trời nhưng tùy theo hình thể của khe hay núi mà phản chiếu ánh sáng khác nhau thiên sai vạn biệt”. Eshin thì đơn thuần hơn, chỉ xem : “Mây giống trăng, khe khác núi, hai vật cùng bản chất nhưng cách thể hiện khi giống, khi khác nhau”.

Xin chúc lành tất cả,
Hai, một, nhằm chi đầu!).

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Ngũ Tổ Pháp Diễn là một đại sư thiên thời Bắc Tống. Vì ngày xưa vào đời Đường, Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn (601-674) trụ trì ở Hoàng Mai Sơn, núi này mới có tên gọi là Ngũ Tổ Sơn. Thiên sư Pháp Diễn, người vốn có công đưa Thiên tông lên một địa vị cao, cũng tu ở núi ấy cho nên người đời gọi ông là Ngũ Tổ Sơn Pháp Diễn. Chính ông là người đã đại thành công án thiên, dòng Lâm Tế đánh giá công lao ấy, xưng tụng ông bằng danh hiệu cao quý: Trung Hưng Thiên Sư.

Riêng về sự tích Thanh (Thiền) nữ ly hôn thì đã thấy chép trong Ly Hôn Ký, một tập truyện kỳ đời Đường do Trần Huyền Hựu soạn. Truyện ấy kể vào năm Thiên Thụ thứ 3 (671) đời Tắc Thiên Vũ Hậu, đất Hành Châu (nay là Hành Dương, Hồ Nam) có một người tên Trương Giám sinh được hai con gái nhưng cô chị đã mất sớm chỉ còn cô em, ấy là Thanh nữ (cô Thanh). Cô này nhan sắc xinh đẹp nên người cha định kén rể quý, danh vọng đỗ đạt. Thế nhưng từ bé cô đã khảng khái và ngầm đính ước với người anh em cô cậu là thư sinh Vương Trụ. Khi họ Vương biết chủ tâm của Trương Giám muốn gả con cho một người khác, ôm hận lẳng lặng bỏ ra đi. Chẳng ngờ dọc đường thấy Thanh nữ chạy đuổi theo thuyền, rồi cả hai trốn nhà đưa nhau vào đất Thục sinh sống. Năm năm sau, khi họ có hai con trai, Thanh nữ động tình quê, xin chồng cùng theo về thăm bố mẹ để tạ lỗi. Khi chồng lên bờ, vợ ở dưới thuyền. Chẳng ngờ khi Vương Trụ đến nhà kể chuyện cô Thanh trốn nhà theo mình thì Trương Giám tỏ ra ngạc nhiên vì con gái mình từ mấy năm nay vẫn nằm bệnh trong buồng. Như thế là có hai cô Thanh, hay đúng hơn một cô Thanh mà hôn đã thoát xác để theo Vương Trụ năm năm về trước. Sau khi cô Thanh về tới nhà gặp cô Thanh kia thì rõ ràng là hai người hoàn toàn giống nhau từ vóc dáng đến y phục. Hôn cô Thanh này bèn bèn nhập vào xác cô Thanh nọ và rút cuộc, chỉ còn một cô Thanh duy nhất. Cô ta bèn kể rằng trong lúc ngủ mình đã nằm mộng bỏ nhà ra đi (thuyền trung Thanh nữ) chứ thật ra vẫn ở suốt trong phòng (khuê trung Thanh nữ).

Câu chuyện trên đã được bọn các ông Lý Phương mười hai học giả đời Tống, sưu tập trong Thái Bình Quảng Ký. Đương thời truyện Thanh (Thiền) nữ ly hôn được truyền bá rộng rãi trong dân chúng cho nên các thiên sư mới lấy ra làm tài liệu để cùng với tín đồ trao đổi ý kiến về Phật Pháp (Phật Pháp thương lượng). Công án đặt câu hỏi: Trong hai cô, một người trong thuyền, một người trong phòng khuê, ai mới là cô Thanh thật?

Ngày thường, trong một thân xác, chúng ta thường có hai cái tâm. Giữa ta và cái tâm của ta đã xảy ra bao nhiêu chuyện lằng lạng. Sứ đồ Phao Lô (Paolo) trong Kinh Thánh (sách Rô-Ma, Thư gửi cho các giáo hữu ở Roma, chương 7) cũng có nói đại ý: “Chúng ta có một cái tâm biết vui với sự tuân thủ giới luật nhưng có khi tay chân ta lại nghe theo một pháp luật khác. Nó chiến đấu chống lại cái tâm biết giữ giới của ta và giam hãm, bắt ép ta làm theo cái pháp luật có sẵn nơi chân tay. Loài người thật là tội nghiệp. Ai có thể kéo ta ra khỏi cái thân xác hữu tử này?”

Thực ra, ý nghĩa sâu xa của công án nằm trong nghi vấn : “Cái tự kỷ bản lai chân thực là gì?”.

Không giống như Ki-Tô Giáo, vấn đề cơ bản của Phật Giáo không phải là thần thánh cũng như người chết. Nó phải là sự xét rõ về con người của mình hiện sống tại đây bây giờ (cứu mình tự kỷ, tức kim, thử xứ). Trong Phật Pháp có tên gọi” kỷ sự cứu mình”. Thiên sư Dôgen (Đạo Nguyên) gọi nó là “Phật Pháp là sự học tập về bản thân”, còn ngài Viên Ngộ Khắc Cần, đệ tử của Ngũ Tổ Pháp Diễn, thì bảo: “ Hầu hết việc tham thiền vấn đáp phải nằm ở chỗ tự soi xét rõ về mình” (tự kỷ cứu mình).



Bồ Tát Văn Thù mượn dạng gái làng chơi khai ngộ tăng Saigyô (1118-1190)

Tác số 36: Giữa đường gặp người đạt đạo (Lộ phùng đạt đạo)²⁹.

路逢達道

Bản tác:

Hòa Thượng Ngũ Tổ Pháp Diễn³⁰ có đặt câu hỏi:

-Trên đường, nếu gặp người (tham thiền đến chỗ) đạt đạo rồi, không lấy lời nói cũng không lấy sự im lặng mà đối phó được thì phải dùng phương cách nào?

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Nếu gặp sự thể như thế này lại xử sự được một cách hoàn toàn thích nghi thì sao mà chẳng thông khoái. Cầm bằng nếu không làm được, thường phải mở mắt nhìn cho thật rõ chỗ thiết yếu nhất (dã tu nhất thiết xứ trước nhãn).

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Lộ phùng đạt đạo nhân,
Bất tương ngữ, mặc, đối.
Lan tai phách diện quyền³¹,
Trực hạ hội tiện hội.

路逢達道人
不將語默對
攔腮劈面拳
直下會便會

(Gặp người đạt đạo ở trên đường,
Im, nói, đều không kịp cự đương.
Phải phang một đấm đau ngay mặt,
Hiểu được hay không sẽ tỏ tường!)

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Đây là bài tập do bậc đại thành về công án của Ngũ Tổ Pháp Diễn, người đời Bắc Tống tu ở Ngũ Tổ Sơn tức Hoàng Mai Sơn, còn gọi là Đông Sơn nơi Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn đời Đường, người thứ năm tiếp nối truyền thống của Đạt Ma đã trụ trì.

Thiền sư Ngũ Tổ Pháp Diễn mượn lời người xưa là Hương Nghiêm Trí Nhàn trong bài tụng

²⁹ Thoại này có thấy trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 29 qua lời trong bài tụng nhan đề Đàm Đạo của Hương Nghiêm Trí Nhàn: “Đích đích vô kiềm đối. Độc vận hà ý lại. Lộ như phùng đạt đạo. Mặc ngữ mặc tương đối”. (Đại ý: Không đặt bất cứ mục đích gì. Không trông cậy ai, đi một mình thôi. Giữa đường nếu gặp kẻ đạt đạo. Chớ lấy lời nói hay sự im lặng để đối ứng). Từ đó, Ngũ Tổ Pháp Diễn đã trích dẫn hai câu cuối. Cũng cùng một ý như vậy, có thấy trong lời chép ở Tổ Đường Lục quyển 3 và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 5 chương Tư Không Sơn Bản Tĩnh, cũng như lời thị chúng trong Lâm Tế Lục.

³⁰ Xem chú của tác 35.

³¹ Lan tai: chộp lấy mặt (đồng nghĩa với “quắc ngục”, nắm quai hàm, theo Eshin), phách diện: lấy hết sức làm bura cả mặt (vẫn theo Eshin). Ý nói phang một cú đấm (quyền) đau điếng thẳng vào giữa mặt.

“Dàm Đạo”:

Đích đích vô kiêm đối,
Độc vận, hà ý lại.
Lộ thượng phùng đạt đạo,
Mặc ngữ mặc tương đối.

的的無兼帶
獨運何依賴
路逢達道人
默語莫將對

để đặt câu hỏi cho người tu thiền: “Lúc đó phải dùng phương cách gì?”

Phật Pháp vốn thể hiện trong trạng thái vô ngã, sinh hay tử đều nằm trong đạo Thiên. Bảo rằng lời nói (ngữ) và sự im lặng (mặc) đều không dùng để đối ứng được thì có nghĩa là khuyên chớ dùng tự ngã để đối. Ngược lại, phải làm cho tự ngã (ego) trở thành trống rỗng (không), cho tự ngã chết đi trở thành vô ngã, thế rồi sống với cái tự kỷ (self) chân thực. Đem cái tự kỷ vô tướng có được sau khi chết và phục sinh ra để đối ứng mới đúng là cách đối ứng của nhà thiền và sẽ vui sướng khi gặp người đạt đạo trên đường.

Dưới trướng thiền sư Hakuin có công án: “Ngã tử, bỉ tử, hướng hà xứ phùng”. (Ta chết, người chết, biết hướng về đâu để gặp?). Đó là nói về sự gặp gỡ giữa hai kẻ đều đã chết và đã sống lại. Còn đây, Ngũ Tổ Pháp Diễn đặt câu hỏi cách đối ứng với người đạt đạo lúc gặp ở trên đường.

Trường hợp lấy nguyên cái tự ngã chưa hề chết ra mà đối ứng, khi nghe bảo “mặc ngữ mặc tương đối” sẽ lúng túng mất thôi. Thế nhưng người có tham thiền chút ít, biết bỏ tự ngã, dùng ngã vô-ngã (tự kỷ vô tướng, vô vị chân nhân) để đối ứng thì sẽ tìm ra kiến giải mới mẻ là “ngôn ngữ cũng tốt mà im lặng cũng tốt”, rồi sẽ đem điều đó trình bày với thầy mình. Tuy nhiên, chưa được đâu, vì hiểu như thế vẫn chưa thấu suốt công án này.

Lão sư Iida Toin (Phạn Điền, Đẳng Ân) bảo: “ Ông thầy đã dùng hai chữ “lộ thượng” (trên đường) để dẫn học trò vào đó, làm cho họ rối trí, không tìm được lối ra”. Đây là một công án thuộc loại “ngôn thuyên” tức dùng lời nói để giải thích. Tuy rằng Đông Sơn Pháp Diễn Thiền Sư đã thốt ra một câu tưởng chừng vô thưởng vô phạt nhưng nếu như ta không rút ra được cái tôn chỉ của ông nằm trong câu nói tầm thường này thì chưa thấm nhuần ý nghĩa công án. “Nhất thiết xứ” (chỗ quan trọng) mà Vô Môn nhắc đến trong lời bình của ông nằm ở đâu? Ông muốn chỉ bảo chúng ta hãy mang công án này theo bên người, suy ngẫm sáng chiếu? Thế nhưng, trong trường hợp của tôi thì, sau khi xem xét kỹ toàn thể công án, thì hiểu như thế ông bảo chúng ta phải đặt trọng tâm vào một chữ “lộ” (đường đi) vậy³².

³² Ý kiến cho rằng “con đường” (lộ) cũng chính là con đường tu tập (đạo), còn kẻ đạt đạo chẳng qua chính bản thân ở một đoạn đường nào đó và phải hiểu đạo trực tiếp, không vòng vo (Thánh Tham, ĐDH dẫn, xem ra xác đáng và phù hợp với điều Ryômin muốn nói ở đây, LND).

Tác số 37: Đình tiền bách thụ (Cây bách trước sân)³³.

庭前柏樹

Bản tác:

Hòa Thượng Triệu Châu³⁴ nhân có tặng hỏi:
-Tổ Sư Đạt Ma từ phương Tây xa xôi đến, ý là gì vậy?³⁵
bèn chỉ ra ngoài sân và đáp:
-Là cây bách đó!

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Nếu thấu hiểu một cách chính xác câu trả lời của Triệu Châu thì coi như cả Phật Thích Ca Mâu Ni trong quá khứ lẫn Di Lặc Bồ Tát trong tương lai đều không hề tồn tại.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Ngôn vô triễn thị,
Ngữ bất đầu cơ.
Thừa ngôn giả táng,
Trệ cú giả mê³⁶.

言無展事
語不投機
承言者喪
滯句者迷

(Nói không giải thích nổi,
Lời chẳng động cơ thiền.
Kẻ hiểu lời toi mạng,
Người bám chữ ngu thêm).

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Công án chỉ ngắn gọn. Hỏi “Tổ sư Tây lai ý” tức hỏi “Thiền đạo Phật Pháp chân túy” là cái gì. Triệu Châu đã cho biết cực ý của Thiền là cây bách trước sân!

Là những kẻ tu theo Thiền sư Hakuin, chúng tôi thường tham học công án này cùng với các công án Triệu Châu vô tự (tức Con chó của Triệu Châu), Chích thủ âm thanh (Tiếng vỗ của

³³ Thoại thấy chép trong Triệu Châu Lục.

³⁴ Xem chú của tác 1.

³⁵ Nguyên văn: Như hà thị tổ sư Tây lai ý? Một sáo ngữ hay dùng giữa thiền gia, không có tính cách lịch sử mà chỉ có ý nói: Xin giải thích đâu là cốt lõi của tinh thần Thiền tông?”

³⁶ Ryômin hiểu như sau: “Người tiếp thu ngôn ngữ như nó là, sẽ đánh mất sự thực đầu tiên. Còn người bám chặt vào câu cú là kẻ hãy còn mê muội lắm lạc.”

một bàn tay), Bản lai diện mục (tức Lục Tổ dạy Huệ Minh). Tất cả mang chung tên Tứ đại Cam Lộ môn (Bốn cửa lớn Cam Lộ). Trong cách phân loại công án của trường phái Hakuin, công án này được liệt vào loại “pháp thân”. Pháp thân là tiếng để đối lại với “sắc tướng” (thân thể). Ý nói Phật là thân của pháp, pháp tức tự, tự kỷ vô tướng, chân nhân, chân như, chân thực tại của vũ trụ.

Trong Vô Môn Quan ta chỉ thấy có một phần chữ thực ra toàn thể công án trong Triệu Châu Lục vốn ghi lại một cuộc vấn đáp như thế này:

Tăng: Xin thầy đừng dùng những vật thuộc ngoại cảnh (khách quan) để dạy cho người!

Sư: Ta không hề dùng ngoại cảnh để dạy cho người.

Tăng: Tổ Đạt Ma khi ở Ấn Độ qua, chẳng hay bản ý người muốn truyền gì ạ?

Sư: Đó là cây bách trước sân.

Nhìn đây mới thấy Triệu Châu khi nói đến cây bách, ông không đề cập cây bách như một khách thể (ngoại cảnh) đã được phân biệt với chủ thể là con người. Ta hiểu rằng cây bách ông trình bày vốn có trước sự phân biệt ấy nghĩa là khi còn ở trong trạng thái “chủ khách vị phân” hay “vật ngã nhất như, thiên địa nhất mai” (mọi vật và ta như một, trời đất cùng chung môi).

Đức Phật Thích Ca khi thiền định sâu lắng dưới gốc cây bồ đề, đã làm trống không được tự ngã, đạt đến cảnh địa của vô ngã, đã thành nhất phiến, mới thoáng nhìn thấy sao Mai trên trời mọc vào buổi sáng, đã phá vỡ được cái vô ngã của thiền định để nhập vào cái ngã vô-ngã, tự mình giác ngộ được tự kỷ bản lai (mặc nhiên đã phát). Lão sư Yamada Mumon (Sơn Điền, Vô Văn) tưởng tượng lúc đó ngài chắc đã phải thốt ra một câu như: “Ôi chao, ta đang chiếu sáng lấp lánh!”. Đó là hình ảnh của trạng thái “vật ngã nhất như, ngã tha bất nhị” trong cái tôi vậy.

Vị dụ lúc sấm nổ ì ầm thường kèm theo ánh chớp loang loáng. Nói một cách cực đoan thì cái ngã (chủ quan) chẳng có mà thế giới (khách quan) cũng chẳng có, họa chăng cái “loang loáng, ì ầm”. Đó là thể nghiệm trực tiếp mà việc “phân biệt” tự với tha không thể xen vào giữa. Chỉ là sự phá vỡ của thể nghiệm trực tiếp về “bình đẳng”. Một bên là tôi, chủ thể, một bên là hai dòng điện dương và âm, khách thể, không biết làm cách nào mà sự phân biệt giữa chủ thể và khách thể chỉ có thể là chuyện xảy ra sau đó. Như vậy, thiền là cái đạo dẫn đến sự tự giác về cái ngã vô-ngã qua thể nghiệm thuần túy có vào thời điểm “chủ khách vị phân dĩ tiền” (trước khi chủ thể và khách thể tách ra khỏi nhau).



「無」 白隱慧鶴筆

Chữ 無 (Vô) qua thư pháp của Thiền sư Hakuin

Tác số 38: Đuôi trâu không lọt song cửa (Ngu quá song linh)³⁷.

牛過窓櫺

Bản tác:

Ngũ Tô Pháp Diễn³⁸ nói rằng:

-Ví dụ nhìn một con trâu đang đi ngang qua song cửa sổ để ra ngoài đường, thấy nó lọt được cả đầu, sừng, chân trước lẫn chân sau. Hỏi thử vì có gì chỉ còn mỗi cái đuôi lại không lọt qua nốt vậy nhỉ?

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Đứng trước sự thế như thế, nếu có con mắt nhìn thấu suốt (nhất chích nhãn) sự chân thực và thốt ra một câu nói chuyên mê khai ngộ thì đã báo đáp ơn nghĩa xã hội mình mang (báo tứ ân)³⁹, lại có thể cứu độ sinh linh đang sống trong phiền não khổ đau của cõi đời (tư tam hữu)⁴⁰ này. Còn như nếu chưa làm được thì điều tiên quyết là phải nhìn sao để thấy được cái đuôi trâu đó.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Quá khứ đọa khanh tiệm,
Hồi lai khước bị hoại.
Già ta⁴¹ vĩ ba tử,
Trực thị⁴² thậm kỳ quái.

過去墮坑塹
回來卻被壞
者些尾巴子
直是甚奇怪

(Qua được thì rơi xuống hố thối,
Giật lùi lại cũng nát tan đời.
Rồi đây một cái đuôi con đó,
Kỳ quái sinh bao chuyện động trời!)

³⁷ Thoại này có chép trong Ngũ Tô Pháp Diễn Thiên Sư Ngữ Lục. Theo Tương Sơn Lục ghi lại trong Ứng Am Đàm Hoa Thiên Sư Ngữ Lục nơi đây là một ví dụ mà Ứng Am đã đưa ra cho Phật Nhân (tức Vô Môn Huệ Khai) (theo Vạn Tục Tạng, 120-841 hạ). Eshin trong nghiên cứu về Phật Giáo Cấp Cô Trưởng Giả Nữ Đắc Độ Nhân Duyên Kinh, có nhắc đến chuyện “Con voi qua song cửa” trong Đại Chính Kinh 2-853 trung.

³⁸ Xem chú của tác 35.

³⁹ Tứ ân. Theo Đại Chính Kinh 3-297 thượng cho biết, Tâm Địa Quan Kinh có nói con người ai nấy đều phải chịu 4 ân (phụ mẫu ân, chúng sinh ân, quốc vương ân, tam bảo ân).

⁴⁰ Ba khu vực sinh tồn: tam giới. Có nghĩa là dục giới, sắc giới và vô sắc giới, nơi còn người ta còn phải luân quần trong vòng sinh tử..

⁴¹ Già ta, hiểu như già ta: từ đây trở đi. Ta là tiếp vĩ ngữ chỉ số nhiều.

⁴² Trực thị: rõ là.

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Tại sao con trâu đã lọt qua hết những bộ phận lớn, chỉ còn cái đuôi không sao lọt nốt?

Vì công án khúc mắc này, tôi đã cất công đi dò hỏi nhiều vị thầy. Trong quyển “Công án- nhập môn thiền thực tiễn” do Chikuma Thư Phòng xuất bản, tôi đã trình bày ý kiến của mình. Xin quý độc giả đọc hộ cho⁴³. Ở đây, tôi chỉ xin thông báo là dưới trướng Thiền sư Hakuin, công án Ngưu Quá Song Linh nói trên là một trong những công án xếp vào loại “nan thẩu” (those difficult to pass through).

Lúc đưa ra Bát nan thẩu tức 8 công án thuộc vào loại khó hiểu thông suốt này, Thiền sư Hakuin có bảo: “Ở chỗ cuối cùng, cửa lại đóng nghìn trùng. Đây là cái bệnh trong tim phổi gan ruột của người tu thiền. Nếu không có ải có khóa, mệnh của Thiền tông sẽ tuyệt. Cho dầu bị khóa, xin mọi người hãy cố vượt qua. Không vượt qua được thì không phải là thiền. Cá lý ngư còn vượt được cửa Long Môn Vạn Lý. Con chồn hoang còn vượt được cổng đền Inari⁴⁴. Đã ăn cơm thiền, không thể không vượt qua ải lẫn khóa”. Bát nan thẩu là những tắc sau: Sơ sơn thọ tháp, Ngưu quá song linh, Càn Phong tam chủng, Tây ngưu phiến tử, Bạch Vân vị tại, Nam Tuyên thiên hóa, Thanh nữ ly hôn, Bà tử thiêu am⁴⁵. Người ta gọi nó là móng vuốt để đào bới nguồn pháp hay những thân phù đoạt mệnh”. Khác với lão sư Hakuin, tôi đặt Thanh nữ ly hôn vào loại Pháp thân và xem Bạch Vân tự tại thuộc về loại hướng thượng.

⁴³ Rất tiếc cho đến hôm nay, người dịch chưa có trong tay quyển sách này để ghi lại luận điểm của Ryômin. Hẹn sẽ bổ sung trong tương lai.

⁴⁴ Đền Inari thờ thần nông nghiệp, kho lẫm. Thành ngữ Nhật Bản chỉ sự khó khăn.

⁴⁵ Xin xem thêm lời giải thích về Hệ thống công án của Thiền sư Hakuin trong phần phụ lục.

Tác số 39: Vân Môn nói hớ (Vân Môn thoại đạo)⁴⁶.

雲門話墮

Bản tắc:

Hòa Thượng Vân Môn⁴⁷ nhân có tăng hỏi:

-Cái câu : “Quang minh tịch chiếu biến hà sa...”

và khi tăng đang nói chưa hết lời, Vân Môn bắt chợt cắt ngang:

-Đó không phải là thơ của Tú tài Trương Chuyết⁴⁸ hay sao?

Tăng bèn thưa:

-Vâng! Đúng vậy.

thì Vân Môn lại bảo:

-Ông nói hớ mất rồi!⁴⁹

Về sau, khi Hòa thượng Hoàng Long Tử Tâm⁵⁰ khi nhắc đến chuyện, có đặt câu hỏi:

-Chẳng hiểu lời ông tăng ấy nói hớ ở chỗ nào?

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Đứng trước tình thế này, nếu ai biết được cái thiên cơ quá siêu khó bề nhờ cậy (cô nguy⁵¹) của Vân Môn và lý do ông tăng mang tiếng ăn nói hớ hênh, chắc chắn sẽ được trời người cùng thờ làm thầy. Nhược bằng không nhìn thấy nó rõ ràng, thì ngay bản thân mình cũng đừng hòng cứu nổi.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Cấp lưu thùy điều,
Tham nhĩ giả trước.
Khẩu phùng tài khai⁵²,
Tính mệnh táng khước.

急流垂釣
貪餌者著
口縫才開
性命喪卻

⁴⁶ Thoại này có chép trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên, quyển 6, chương nói về Trương Chuyết.

⁴⁷ Xem chú của tác 15.

⁴⁸ Trương Chuyết Tú Tài (không rõ năm sinh năm mất), một cư sĩ sống vào đời Ngũ Đại, Tống sơ. Có đến hỏi đạo Hòa Thượng Thạch Sương Khánh Chư (807-888), học trò cháu 4 đời của Thiền sư Thạch Đầu và nhận được pháp tự của ông. Tiểu sử Trương Chuyết có chép trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên quyển 6, trong đó có nói đến bài kệ khai ngộ.

⁴⁹ Nguyên văn: thoại đạo. Có nghĩa: nói nhảm, nói điều đáng lý ra không nên nói, nói hớ lộ chỗ yếu kém của mình.

⁵⁰ Hoàng Long Tử Tâm (1043-1117), còn gọi là Tử Tâm Ngộ Tân Thiền Sư. Nhận pháp tự của Hối Đường Tổ Tâm (1025-1100) chùa Hoàng Long. Tiểu sử chép trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên quyển 17.

⁵¹ Cô nguy: cô tuyệt nguy cao. Ý nói cao cả cô độc nên khó theo kịp, khó dựa vào.

⁵² Tài (vừa mới) khai (mở).

(Buông cầu dòng nước xiết,
Bắt được cá tham mồi.
Chỉ cần mở miệng thôi,
Mạng đi đong tức khắc).

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Thiền sư Vân Môn Văn Yển khi có tặng chất vấn: “Có câu nói :Trí tuệ quang minh của Phật tuy lặng lẽ mà chiếu khắp hàng hà sa số thế giới....” và khi chưa phát biểu hết lời thì Vân Môn đã hỏi: “Lời ông nói có phải là thơ của Tú Tài Trương Chuyết hay không?”

Tú tài là một học vị trong chế độ khảo thí quan trường ngày xưa. Ông Tú tài Trương Chuyết đã đến hỏi đạo Thiền sư Thạch Sưong Khánh Chư, được giác ngộ cho nên đã làm bài kệ đầu-cơ dài (trường kệ) sau đây:

Quang minh tịch chiếu biến hà sa,
Phàm, thánh hàm linh cộng nhất gia.
Nhất niệm bất sinh toàn thể hiện,
Lục căn tài động tại vân già.
Phiền não đoạn trừ tăng trọng bệnh,
Chân như thủ hướng hựu thị tà.
Thuận thể tùy duyên vô quái ngại.
Niết Bàn sinh tử đẳng không hoa.⁵³

光明寂照遍河沙
凡聖含靈共一家
一念不生全体現
六根纔動在雲遮
煩惱斷除增重病
真如趣向又是邪
順世隨緣無罣礙
涅槃生死等空華

(Từ quang Đức Phật tỏa bao la,
Tục, thánh đều linh, chẳng khác nhà.
Một niệm chưa sinh đã hiện hết,
Sáu căn vừa chớm thoát lan xa.
Phiền não đừng trừ, thêm bệnh nặng,
Chân như chớ nắm, chánh đồng tà.
Cứ thuận dòng đời không mảy bận,
Niết Bàn, sinh tử, ảo thôi mà!)

Vì ông tặng chưa nói hết câu nên ta không hiểu ông định hỏi gì. Thế mà Vân Môn đã cắt lời và sau đó trách ông “thoại đọa”! Người đời sau là thiền sư Hoàng Long Tử Tâm (1044-1115) mới đặt câu hỏi để tìm hiểu ý nghĩa của hai chữ ấy.

Tông Vân Môn nổi tiếng về “ngôn cú vi diệu”. Trong phái Lâm Tế, ngay từ bên Trung Quốc,

⁵³ Bài thơ này được người dịch lập lại từ phần diễn âm ra tiếng Nhật nên có thể không hoàn toàn chính xác so với nguyên tác Hán văn (trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên, chưa đi tìm).

vốn đòi hỏi chúng tăng phải “tôn thông” (thạo về đường lối, tôn chỉ) cùng lúc đòi hỏi họ phải có tài “thuyết thông” (thạo thuyết pháp), điều kiện của tông Vân Môn.

Trong dòng thiền của Thiền sư Hakuin chúng tôi, khi bàn về loại công án “ngôn thuyên” thì liên tưởng đến các vị như Vân Môn hoặc Triệu Châu tức khắc. Công án “Vân Môn thoại đạo” này là một ví dụ tiêu biểu. Với một câu: “Ông nói hớ mất rồi!”, ta có thể chiêm nghiệm và đặt một câu hỏi lớn hơn: “Phải tiếp thu tôn chỉ của thiền tông chỗ nào?”.

Để trả lời câu hỏi “Đó không phải là thơ của Tú tài Trương Chuyết hay sao?”, ông tăng kia thưa: “Dạ phải. Đúng như thế!” thì tuy bộc lộ sự ngay thẳng thành thật nhưng cũng cho thấy chỗ khinh suất của mình. Vì dù có tỏ rằng mình thông cảm được với lời nói của người xưa nhưng chúng tỏ mình chỉ vay mượn (tha nhân sự) chứ câu “Quang minh tịch chiếu biên hà sa” đâu phải là của mình (tự kỷ tự thân)! Bất chợt ông đã cắn lưỡi câu của Vân Môn và bị tóm gọn. Nói theo kiểu Thiền, ông đã mất cả sinh mệnh. Phải chăng ý nghĩa công án này chỉ nằm ở một điểm nói trên?

Tác số 40: Đá đổ tịnh bình (Địch đảo tịnh bình)⁵⁴.

趺倒淨瓶

Bản tác:

Hòa Thượng Quy Sơn Linh Hựu⁵⁵ khi còn trẻ theo học ở đạo tràng của Hòa Thượng Bách Trượng Hoài Hải⁵⁶, giữ chức điển tọa⁵⁷ (đầu bếp). Có một hôm, Hòa Thượng Bách Trượng muốn tuyển chọn một người xứng đáng đến trụ trì ở núi Đại Quy⁵⁸, mới họp, không riêng chức thủ tọa⁵⁹ (ngang với trưởng tràng) mà tất cả tăng chúng. Hòa Thượng nói:

-Ta muốn xem trước mặt đám đông, ai là người có thể chứng minh được sự giác ngộ vượt trên đồng đạo để xứng đáng giữ chức vụ.

Đột nhiên, ông cho đem một cái tịnh bình⁶⁰ ra đặt lên mặt đất rồi hỏi:

-Vật này không được gọi nó là tịnh bình. Vậy các người hãy thử gọi nó là gì?

Thủ tọa đáp ngay:

-Thật tình, không thể gọi nó là cọc gỗ!

Bách Trượng bèn quay sang Quy Sơn:

-Còn người thì sao?

Quy Sơn bèn đưa chân đá ngã ngay tịnh bình và bỏ đi mất. Lúc đó Bách Trượng mới cười bảo:

-Ông thủ tọa đã thua⁶¹ thằng dân núi⁶² rồi đấy nhé!

Thế rồi Bách Trượng mệnh cho Quy Sơn đến trụ trì ở núi Đại Quy.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Tuy Quy Sơn trở thành một anh hùng một thời⁶³ đấy nhưng tiếc thay đã không thoát ra nổi cái vòng rào⁶⁴ do Bách Trượng giăng ra. Ông ấy có việc nhẹ (bếp núc) thì không chịu, chỉ đi tìm sự nặng nhọc (khai sơn). Tại sao ta lại nói thế nhỉ? Hãy nhìn đây này! Ông ta đã tháo khăn bịt đầu nhà bếp⁶⁵ để mang gông sắt vào cổ đấy thôi.

⁵⁴ Thoại này có chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 9, Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển , chương nói về Quy Sơn Linh Hựu. Theo đó, thủ tọa nói đến trong thoại là Hoa Lâm Thiện Giác.

⁵⁵ Quy Sơn Linh Hựu (771-853), thiền gia đời Đường, nhận pháp tự của Bách Trượng Hoài Hải (749-814). Sơ tổ của tông Quy Sơn. Có các tác phẩm Quy Sơn Linh Hựu Thiền Sư Ngữ Lục và Quy Sơn Cảnh Sách. Xem tiểu sử có trong Đường Văn Túy quyển 63, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 9, Tổng Cao Tăng Truyện quyển 11.

⁵⁶ Xem chú của tác 2.

⁵⁷ Điển tọa, một trong Lục tọa vị. Nguyên là người lo việc lễ nghi (điền lễ) của tăng chúng nhưng sau chuyển sang việc com nước cho họ.

⁵⁸ Đại Quy Sơn, còn gọi là Quy Sơn, một ngọn núi ở Đàm Châu (Ninh Hương, phủ Trường Sa, tỉnh Hồ Nam). Trong núi có Đồng Khánh Tự và Mật Ấn Tự. Núi này là bản doanh của tông Quy Sơn.

⁵⁹ Người đứng đầu tăng chúng trong một chùa. Còn có các tên khác như: thiền đầu, thủ chúng, thượng tọa (tòa), tọa (tòa) nguyên, lập tăng, đệ nhất tọa (tòa).

⁶⁰ Phạn ngữ: *kundika*. Bình chứa nước trong mà các tăng hay mang theo người để rửa tay. Có thể làm bằng gốm hay kim loại như đồng, thép. Xem thêm Sắc Tu Bách Trượng Thanh Qui, quyển 5, Biện Đạo Cụ.

⁶¹ Nguyên văn : “du” (thua khi tranh thắng phụ). Còn “khước” là trợ từ nhấn mạnh. “Du khước”: thua mất.

⁶² Nguyên văn “Son tử” : (theo Eshin: thặng Quy Sơn (Isan no yatsu), theo Ryōmin: thặng nhà quê, dân rừng rú (yamadashi-me)) vì địa vị Quy Sơn thấp hơn thủ tọa. Nhiều bản (VTN, ĐDH) dịch Sơn tử là quả núi, không phải không có lý. Chúng tôi tạm dịch bằng một kiểu trung dung. Riêng Eshin có lẽ không dịch đúng vì lúc đó ông điển tọa chưa có tên hiệu là Quy Sơn.

⁶³ Chỉ việc mở núi lập chùa và gây dựng được dòng thiền Quy Nguơn.

⁶⁴ Nguyên văn: “hạm” có nghĩa là củi nhốt súc vật. Theo Eshin: bầy dê bầy thú, còn có thể hiểu là bầy hổ.

⁶⁵ Nguyên văn “bàn đầu”. Theo Eshin: khăn bịt đầu của nhà bếp. Nhiều người dịch theo nghĩa bàn là mâm khay.

Tung:

Bèn có bài tung:

Dương hạ⁶⁶ tráo ly⁶⁷ tịnh mộc thược⁶⁸
Đương dương⁶⁹ nhất đột tuyệt chu già⁷⁰.
Bách Trọng trùng quan lan bất trú,
Cước tiêm địch⁷¹ xuất Phật như ma⁷².

颯下策籬並木杓
當陽一突絕周遮
百丈重關攔不住
腳尖擡出佛如麻

(Vứt hết rỗ tre và muống gỗ,
Đơn thân đột phá dẹp nghi ngờ.
Trùng vây Bách Trọng giảng chi uổng,
Một đá, văng ông Phật rồi mơ)

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Tư Mã Đầu Đà (năm sinh năm mất không rõ) là một ông thầy địa lý cừ khôi, có lần đến thăm Thiền sư Bách Trọng Hoài Hải (720-814) và thưa:

-Núi Quy Sơn là nơi thích hợp để dựng đạo tràng!

Lúc đó, Bách Trọng bèn bảo:

-Thế thì ta nên tới đây nhỉ!

Nhưng Tư Mã Đầu Đà lại nói:

-Lão sư không được đâu!

-Tại sao ta thì không được?

-Như lão sư giỏi lắm chỉ có thể tụ họp đến một nghìn người. Trong khi ấy, Quy Sơn là nơi danh thắng có đủ chỗ cho những một nghìn năm trăm người cơ.

Từ câu chuyện đó nảy ra công án này. Nó là lý do để có việc tuyển lựa người đến Quy Sơn mở đạo tràng. Thiền sư đặt tịnh bình lên mặt đất và mở đầu cuộc tỉ thí, đồ học trò nếu không gọi nó là tịnh bình thì phải gọi nó bằng tên nào. Tắc này cũng tương tự tắc 43 Thủ Sơn trúc bệ (Cây gậy trúc của Thủ Sơn) sẽ xuất hiện sau. Trong đó có câu hỏi khác cùng kiểu, Thiền sư Thủ Sơn đã không cho phép học trò mình gọi cây gậy trúc là cây gậy trúc.

Người học trò mà Bách Trọng đặt hết niềm tin là Quy Sơn (771-853) nhưng ông chưa có tên Quy Sơn mà chỉ là Linh Hựu, học tăng giữ chức điền tào trông coi bếp núc nhà chùa. Việc ông

⁶⁶ Nguyên văn “Dương hạ”: Vứt đi, ném tung.

⁶⁷ Nguyên văn “Tráo ly”: môi lược dùng để vớt.

⁶⁸ Nguyên văn “Mộc thược”: thìa gỗ.

⁶⁹ Đương dương: ví trí nhà vua chính diện quay về nam. Ở đây hiểu là hiên ngang đối mặt (như cảnh Trương Phi đương dương Trường Bản trong Tam Quốc Chí).

⁷⁰ Nguyên văn “Tuyệt chu già”: Cất bỏ lời lẽ rườm rà.

⁷¹ Hai bản Eshin và Ryômin đều viết là Địch (躑). Nhiều bản chép là Dực (躍) tuy nhiên nghĩa không khác nhau bao nhiêu. Xin tôn nghi.

⁷² Ma: tơ gai. Chỗ này khó hiểu, có nhiều thuyết. Theo Eshin, hiểu là nhiều nhưng e không sát lắm, hiểu là rối rắm được chăng?

đá đồ tịnh bình và nhờ đó, được thầy giao cho sứ mệnh đi khai sơn, có thể đưa độc giả đến hai thái độ khác nhau: hoặc là sáng khoái như đứng trước một thiên ý tuyệt vời, hoặc là bực bội chống đối một hành vi thô bạo, chẳng có hương vị thiền chút nào cả. Thật ra, điều quan trọng ở đây là cái tịnh bình mà Quy Sơn đá ngã không phải là tịnh bình thật. Ông chỉ đá ngã cái “ngã hay phân biệt” của chúng ta mà thôi. Nơi cái máy động của Quy Sơn có điểm trọng yếu (chủ nhân) của công án.

Thế nhưng khi tôi nói như vậy, có độc giả hãy còn chưa đồng ý. Vậy cho phép tôi kể thêm một chuyện:

Có hôm, Bách Trượng đang ngồi trong phòng, hỏi Quy Sơn:

-Trong cái lò kia, có lửa không?

Quy Sơn bèn đưa tay lên trên lò dò xem rồi trả lời:

-Thưa không có ạ!

Nghe vậy, Bách Trượng bèn đứng dậy, tự mình tiến đến lấy đũa sắt cời thật sâu than trong lò, lấy ra một miếng than có ánh hồng leo lét như ánh sáng đom đóm và nói:

-Người xem, đây không phải là lửa sao?

Tương truyền Quy Sơn nghe xong bèn ngộ đạo. Có nhà thiền giải thích rằng lời nói của Bách Trượng hàm ý: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tính” (Nhất thiết chúng sinh tất hữu Phật tính) và Quy Sơn đã nhận ra điều đó. Riêng tôi thì tôi thấy nó có liên quan đến chuyện đá ngã tịnh bình và đá ngã cái tự ngã hãy còn chấp trước vào sự phân biệt. Tôi muốn chúng ta chú ý đến cái máy động của Quy Sơn đã có nhờ sự tu hành nghiêm cẩn, hay đúng hơn cái máy động nơi một Quy Sơn tu hành nghiêm cẩn đã được tôn sư Bách Trượng nhìn nhận. Máy động của thiền không phải chỉ là một hành vi tu hành (hành trì⁷³) có tính cách thô bạo như ta tưởng.

Lại chưa hết. Ở đây, xin có một lời biện hộ cho ông đệ nhất tòa mắt núi và mắt mặt, sau này là Thiền sư Hoa Lâm, nữa. Cư sĩ Bùi Hưu khi đến thăm ông, lúc đó chỉ có một mình, nên họ Bùi mới hỏi Hoa Lâm:

-Hòa thượng không có thị giả sao?

-Ta có đến hai người hầu nhưng không cho ra mắt tục nhân được.

Khi Bùi Hưu khẩn khoản:

-Xin được diện kiến.

thiền sư mới lớn tiếng gọi:

-Đại Không ơi! Tiểu Không ơi!

Thế rồi như để đáp lời, hai con hổ lớn lừng lừng từ trong phía sau am bước ra, vừa đi vừa gầm gừ.

Tuy là người thua cuộc trong cuộc chạm trán với Quy Sơn, nhưng câu chuyện kể trên cho thấy Hoa Lâm cũng là một thiền sư có đạo lực đáng nể.

HẾT PHẦN IV

⁷³ Hành trì: sự tu hành theo đạo Phật không chệnh mãng.